UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**317.287.461.371**	**TỔNG SỐ CHI**	**317.287.461.371**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.597.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	268.203.461.371
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	273.219.461.371	II. Chi thường xuyên	46.834.000.000
III. Thu bổ sung	42.471.000.000	III. Dự phòng	2.250.000.000
- Bổ sung cân đối	42.471.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu từ nguồn đất			

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 104/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**317.287.461.371**	**317.287.461.371**	**317.287.461.371**	**317.287.461.371**	**100,00**	**100,00**
I	**Các khoản thu 100%**	**1.597.000.000**	**1.597.000.000**	**1.597.000.000**	**1.597.000.000**	**100,00**	**100,00**
-	Phí, lệ phí	77.000.000	77.000.000	77.000.000	77.000.000	100,00	100,00
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.520.000.000	1.520.000.000	1.520.000.000	1.520.000.000	100,00	100,00
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
-	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
-	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
-	Thu khác						
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**273.219.461.371**	**273.219.461.371**	**273.219.461.371**	**273.219.461.371**	**100,00**	**100,00**
1	*Các khoản thu phân chia*	*1.540.000.000*	*1.540.000.000*	*1.540.000.000*	*1.540.000.000*	100,00	100,00
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	940.000.000	940.000.000	940.000.000	940.000.000	100,00	100,00
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0	0	0			

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	0	0	0	0	#DIV/0!	#DIV/0!
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	100,00	100,00
2	*Các khoản thu phân chu khác do cấp tỉnh quy định*	*271.679.461.371*	*271.679.461.371*	*271.679.461.371*	*271.679.461.371*	100,00	100,00
-	Thuế GTGT và TNDN	1.524.000.000	1.524.000.000	1.524.000.000	1.524.000.000	100,00	100,00
-	Thuế TNCN	1.512.000.000	1.512.000.000	1.512.000.000	1.512.000.000	100,00	100,00
-	Thu đấu giá QSD đất	268.203.461.371	268.203.461.371	268.203.461.371	268.203.461.371	100,00	100,00
-	Tiền thuê đất, mặt nước	440.000.000	440.000.000	440.000.000	440.000.000	100,00	100,00
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**42.471.000.000**	**42.471.000.000**	**42.471.000.000**	**42.471.000.000**	**100,00**	**100,00**
-	Thu bổ sung cân đối	42.471.000.000	42.471.000.000	42.471.000.000	42.471.000.000	**100,00**	**100,00**
-	Thu bổ sung có mục tiêu						

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC			DỰ TOÁN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX
A	B	1	2	3	1	2	3	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**317.287.461.371**	**268.203.461.371**	**49.084.000.000**	**317.287.461.371**	**268.203.461.371**	**49.084.000.000**	**100**	**100**	**100**
1	**Chi dân quân tự vệ**	**1.469.220.138**		**1.469.220.138**	**1.469.220.138**		**1.469.220.138**	**100**		**100**
2	**Chi trật tự an toàn xã hội**	**861.978.400**		**861.978.400**	**861.978.400**		**861.978.400**	**100**		**100**
3	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**48.544.600**		**48.544.600**	**48.544.600**		**48.544.600**	**100**		**100**
4	**Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ**	**0**		**0**						
5	**Y tế + Dân số**	**429.606.000**		**429.606.000**	**429.606.000**		**429.606.000**	**100**		**100**
6	**Văn hóa xã hội, thông tin**	**1.120.442.846**		**1.120.442.846**	**1.120.442.846**		**1.120.442.846**	**100**		**100**
7	**Chi đài truyền thanh**	**124.751.876**		**124.751.876**	**124.751.876**		**124.751.876**	**100**		**100**
8	**Chi sự nghiệp thể dục, thể thao**	**148.520.000**		**148.520.000**	**148.520.000**		**148.520.000**	**100**		**100**
9	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**130.000.000**		**130.000.000**	**130.000.000**		**130.000.000**	**100**		**100**
10	**Chi các hoạt động kinh tế**	**550.800.700**		**550.800.700**	**550.800.700**		**550.800.700**	**100**		**100**
-	Giao Thông	131.126.000		131.126.000	131.126.000		131.126.000	100		100
-	Trồng trọt, chăn nuôi	305.521.100		305.521.100	305.521.100		305.521.100	100		100

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC			DỰ TOÁN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX
A	B	1	2	3	1	2	3	7=4/1	8=5/2	9=6/3
-	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	84.153.600		84.153.600	84.153.600		84.153.600	100		100
-	Thị chính	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100		100
11	**Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể**	**34.276.602.643**		**34.276.602.643**	**34.276.602.643**		**34.276.602.643**	**100**		**100**
-	Văn phòng HĐND & UBND xã	14.077.936.453		14.077.936.453	14.077.936.453		14.077.936.453	100		100
-	Phòng kinh tế	2.568.660.000		2.568.660.000	2.568.660.000		2.568.660.000	100		100
-	Phòng văn hóa - xã hội	694.959.400		694.959.400	694.959.400		694.959.400	100		100
-	Trung tâm dịch vụ HCC	950.981.000		950.981.000	950.981.000		950.981.000	100		100
-	Đảng cộng sản Việt Nam	8.914.969.466		8.914.969.466	8.914.969.466		8.914.969.466	100		100
-	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.898.711.624		4.898.711.624	4.898.711.624		4.898.711.624	100		100
-	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	287.010.000		287.010.000	287.010.000		287.010.000	100		100
-	Hội Liên hiệp phụ nữ	215.950.000		215.950.000	215.950.000		215.950.000	100		100
-	Hội nông dân	249.880.000		249.880.000	249.880.000		249.880.000	100		100
-	Hội Cựu chiến binh	226.480.000		226.480.000	226.480.000		226.480.000	100		100
-	Hội Người cao tuổi	255.830.000		255.830.000	255.830.000		255.830.000	100		100
-	Hội Chữ thập đỏ	935.234.700		935.234.700	935.234.700		935.234.700	100		100
12	**Chi hỗ trợ khác**	**2.077.062.900**		**2.077.062.900**	**2.077.062.900**		**2.077.062.900**	**100**		**100**

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC			DỰ TOÁN NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX
A	B	1	2	3	1	2	3	7=4/1	8=5/2	9=6/3
-	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	1.884.927.900		1.884.927.900	1.884.927.900		1.884.927.900	100		100
-	Chi hoạt động chính sách người có với CM	192.135.000		192.135.000	192.135.000		192.135.000	100		100
13	**Chi hỗ trợ nghỉ việc theo NĐ 178 từ nguồn CCTL**	**5.596.469.897**		**5.596.469.897**	**5.596.469.897**		**5.596.469.897**	**100**		**100**
14	**Chi dự phòng**	**2.250.000.000**		**2.250.000.000**	**2.250.000.000**		**2.250.000.000**	**100**		**100**

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 106/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**829.746.800.000**				**268.203.461.371**	**0**	**268.203.461.371**	
Phùng Hưng (Cũ)		**567.213.229.000**				**194.639.994.648**		**194.639.994.648**	
7844551 - Xây dựng HT để tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng cầu khé tại KM 13+700 trên ĐT 384 và đấu giá QSD đất cho ND làm nhà ở		1.053.639.000				104.575.000		104.575.000	
Cấp kinh phí bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo, và các đối tượng chính sách xã hội khác năm 2025 theo QĐ số 65 ngày 20/02/2025 (vốn ủy thác NHCSXH)						50.000.000		50.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
7865367 - CTNC trường THCS Phùng Hưng; Hạng mục Nhà lớp học và các hạng mục phu trợ		14.205.590.000				3.643.381.000		3.643.381.000	
7918750 - CTNC đường nội đồng xã Phùng Hưng - Đoạn từ Tân Hà nên mương gốc Quất		1.071.665.000				600.777.000		600.777.000	
7994255 - Cải tao, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng		10.000.000.000				6.054.836.000		6.054.836.000	
8000554 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (đoạn từ cầu máng kênh đông thôn Kim Quan đến vùng 2 Bầu Bái)		1.194.769.000				121.419.973		121.419.973	
8008353 - Xây dựng tuyến đường bờ đông máng Kênh Đông xã Phùng Hưng		14.950.000.000				3.699.715.345		3.699.715.345	
8012585 - Nhà vệ sinh trường THCS Phùng Hưng		1.197.442.000				334.529.000		334.529.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8019233 - Nhà truyền thống trường THCS xã Phùng Hưng		2.000.000.000				827.715.363		827.715.363	
8026226 - Khu dân cư mới xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		98.000.000.000				55.492.101.037		55.492.101.037	
8031549 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng đoạn từ dốc trường tiểu học Phùng Hưng đến tiếp giáp xã Đại Hưng		7.500.000.000				714.110.000		714.110.000	
8031550 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn từ cổng làng Kim Quan đến Đình Ngọc Nha Thượng)		7.500.000.000				1.483.565.000		1.483.565.000	
8042008 - Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phùng Hưng, đoạn từ Đồng mới (máng Kênh Đông) đến sông Đại Thần, thôn Ngọc Nha Thượng		3.200.000.000				1.540.000.000		1.540.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8045374 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Quan xã Phùng Hưng (Đoạn từ đường 377 đi nghĩa trang nhân dân thôn Kim Quan)		1.050.270.000				1.005.650.000		1.005.650.000	
8052928 - Trường tiểu học xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		70.000.000.000				16.414.267.783		16.414.267.783	
8061180 - Đầu tư xây dựng cầu vào thôn Tiểu Quan xã Phùng Hưng		12.585.914.000				8.348.340.000		8.348.340.000	
8067491 - Đầu tư xây dựng cầu thôn Kim Quan xã Phùng Hưng		11.930.731.000				9.942.876.000		9.942.876.000	
8090277 - Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Phùng Hưng huyện Khoái Châu		11.500.000.000				6.261.523.447		6.261.523.447	
8100299 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ Ngõ Chùa đến Ngõ Thị đoạn từ đình làng Tiểu Quan đến Cầu Trầm)		8.500.000.000				3.656.053.509		3.656.053.509	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8100530 - Cải tạo, NC đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà cụ Lê Tiến Xương - nhà ông Mạnh; Tuyến đường Đỗi Nhội,từ nhà ông bà Kha Quế - ĐT.384; Đoạn giếng xóm 1- bờ máng kên Đông)		12.488.479.000				6.369.510.618		6.369.510.618	
8100531 - Cải tạo,NC đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ cổng chợ Tiểu Quan - nhà Thụ Đoá; Đoạn từ nhà ông Thuỵ - trường Mầm non xóm 4; Đoạn từ đình làng Tiểu Quan - bờ máng Kênh Đông xóm 4)		13.500.000.000				6.593.142.042		6.593.142.042	
8116541 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng cánh Đồng Năng, xã Phùng Hưng		1.230.000.000				493.663.564		493.663.564	
8127132 - Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Phùng Hưng (đoạn từ cầu Trầm đến giáp cầu Kim Quan)		14.990.000.000				4.089.550.382		4.089.550.382	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8128213 - Nhà văn hoá xã Phùng Hưng và một số hạng mục phụ trợ		45.500.000.000				8.697.446.000		8.697.446.000	
8133348 - Đầu tư xây dựng cầu thôn Ngọc Nha Hạ xã Phùng Hưng		14.129.149.000				9.803.831.964		9.803.831.964	
8133349 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc Nha Hạ, xã Phùng Hưng (Đoạn từ giáp địa phận xã Liên Khê đến nhà ông Thu, đoạn từ nhà ông Tí đến nhà ông Lịch)		14.900.000.000				7.390.006.000		7.390.006.000	
8139277 - Nhà đa năng trường THCS xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		14.980.000.000				4.619.219.346		4.619.219.346	
8139837 - Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (Tuyến đường máng hai thôn Ngọc Nha Hạ điểm đầu bờ máng kênh Đông điểm cuối Đống Mít)						600.000.000		600.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8139838 - Sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (Đoạn từ đường trục Nội Giàn đến Bầu Nam thôn Kim Quan)						500.000.000		500.000.000	
8144404 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà ông Mười Mấu đến nghĩa trang thôn Ngọc Nha Thượng)		7.500.000.000				2.250.871.564		2.250.871.564	
8144405 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà Thoan Khởi đến giáp nghĩa trang Phần Ba)		11.000.000.000				3.252.240.036		3.252.240.036	
8148768 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà anh Phương Ảnh đi qua trường mầm non xóm Trại đi đường ĐT.384)		9.500.000.000				2.626.085.928		2.626.085.928	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8148998 - Cải tạo, nâng cấp đường, vỉa hè thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		14.800.000.000				4.498.692.836		4.498.692.836	
8149237 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21/04/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		7.000.000.000				2.027.158.039		2.027.158.039	
8149242 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng (Đoạn từ Ngã ba gốc bàng đến đỗi đá trong xóm 5)		9.500.000.000				2.842.917.672		2.842.917.672	
8154918 - Nâng cấp sân trường mầm non thôn Ngọc Nha Thượng, xã Phùng Hưng		926.918.000				535.076.000		535.076.000	
8154919 - Cải tạo, nâng cấp cổng, tường rào trường mầm non thôn Ngọc Nha Thượng xã Phùng Hưng		1.169.322.000				133.931.000		133.931.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8156825 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		5.238.887.000				1.511.915.000		1.511.915.000	
8157545 - Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng nội đồng đường khu chăn nuôi xóm Trại thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		1.200.000.000				79.041.000		79.041.000	
8157546 - Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tuyến đường giao thông nội đồng từ nhà ông Hùng đến sông Từ Hồ - Sài Thị, thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		1.061.890.000				63.718.000		63.718.000	
8157766 - Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số cống, rãnh thuỷ lợi bị xuống cấp trên đại bàn xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		499.995.000				499.995.000		499.995.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8158928 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm 3; xóm 4 - Thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		19.849.138.000				594.054.000		594.054.000	
8158929 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		19.000.000.000				500.061.600		500.061.600	
8158930 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm Trầm, xóm Trại, xóm Xuôi, xã Phùng Hưng		18.409.431.000				566.986.255		566.986.255	
8158931 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phùng Hưng (Theo Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		16.000.000.000				458.603.345		458.603.345	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8159718 - Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường thuộc Thị Tứ và xây dựng hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED - Năng lượng mặt trời xã Phùng Hưng		6.800.000.000				255.930.000		255.930.000	
8159719 - Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính và xây dựng hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED – Năng lượng mặt trời xã Phùng Hưng		8.600.000.000				2.490.912.000		2.490.912.000	
Đông Kết (cũ)		**114.086.692.000**				**49.079.995.036**		**49.079.995.036**	
8139438 - Nâng cấp tuyến giao thông nội đồng đoạn từ KT12 đi Tám mẫu xóm 2		550.000.000				550.000.000		550.000.000	
8066176 - Trụ sở làm việc của Ban chỉ huy quân sự xã Đông Kết và một số hạng mục phụ trợ		6.500.000.000				2.600.000.000		2.600.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8102442 - Đường giao thông và kênh tiêu thoát nước phí Đông khu KDC mới Thí Điểm: Đoạn từ đường ĐT383 đi đường Kênh Tây vào xóm 21		1.700.000.000				520.000.000		520.000.000	
8102551 - Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ đường WB2 đi trường THCS đi Kênh Tây)		7.000.000.000				4.500.000.000		4.500.000.000	
8102552 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ cầu sông 10 xóm 1 đi Kênh Tây; đoạn từ KT12 đi Quán Đỏ đi trục xã)		8.000.000.000				5.975.000.000		5.975.000.000	
8105665 - Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Đông Kết, huyện khoái Châu		13.500.000.000				1.704.995.036		1.704.995.036	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8107980 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Kết (Đoạn từ Đường WB2 đi 7 Mẫu Xóm 5 thông Trung Châu)		4.704.190.000				2.700.000.000		2.700.000.000	
8109497 - Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Đông Kết: Đoạn từ đường trục KT14 (Nghĩa Thương) Lạc Thủy 2 đi cừ Liên Khê		1.300.000.000				220.000.000		220.000.000	
8114394 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (Đoạn từ trục thôn Đông Kết xóm 14, 15 đến trục thôn Lạc Thủy và Kênh Tây thôn Lạc Thủy)		2.500.000.000				360.000.000		360.000.000	
8114868 - Nâng cấp đường và xây mới kênh tiêu thoát nước đoạn từ nhà Oanh Lượng thôn Trung Châu đi KT12		5.000.000.000				2.580.000.000		2.580.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8116436 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng đoạn từ Đền Đông Mỹ đến sứ đồng Hoàn Điền, thôn Hồng Thái, xã Đông Kết		1.500.000.000				750.000.000		750.000.000	
8123994 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn: Đoạn từ công ty Đỗ Kính đến Bãi rác của xã		1.036.034.000				600.000.000		600.000.000	
8125984 - Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn: đoạn từ cửa đình dưới giáp cừ Liên Khê đến đường 2 và từ ruộng Hậu đến cừ Liên Khê thôn Lạc Thủy, xã Đông Kết		1.700.000.000				300.000.000		300.000.000	
8125985 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ ông Thường đến cống Đại Tập và Đoạn từ nhà ông Tâm đến Tân Bồi Dưới)		2.404.527.000				1.800.000.000		1.800.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8125986 - Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn: Đoạn từ trường THCS Đông Kết đến sứ đồng Xuôi Chùa thuộc thôn Trung Châu xã Đông Kết		1.371.941.000				400.000.000		400.000.000	
8130440 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Kết (đoạn từ ngã tư ông Lợi thôn Đông Kết đi xóm 5 thôn Trung Châu)		13.500.000.000				6.200.000.000		6.200.000.000	
8138627 - Xây dựng nhà 3 tầng 12 phòng học và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Đông Kết		25.000.000.000				7.500.000.000		7.500.000.000	
8144402 - Giao thông nông thôn đoạn từ Gốc đa trục thôn Đông Kết đến đường trục từ Kênh Tây đi xóm 20 thuộc thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu		1.200.000.000				1.200.000.000		1.200.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8156088 - Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng các trục đường liên thôn xã Đông Kết		6.300.000.000				2.300.000.000		2.300.000.000	
8156363 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết, đoạn đường quanh Hồ Quan thôn Lạc Thuỷ		300.000.000				300.000.000		300.000.000	
8156926 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Đông Kết bằng đèn năng lượng mặt trời		800.000.000				800.000.000		800.000.000	
8156927 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Bắc Châu bằng đèn năng lượng mặt trời		1.000.000.000				1.000.000.000		1.000.000.000	
8156928 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Hồng Thái bằng đèn năng lượng mặt trời		800.000.000				800.000.000		800.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8156929 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Lạc Thuỷ bằng đèn năng lượng mặt trời		1.000.000.000				1.000.000.000		1.000.000.000	
8156930 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Trung Châu bằng đèn năng lượng mặt trời		920.000.000				920.000.000		920.000.000	
8158474 - Cải tạo, nâng cấp sân, cổng tường rào và một số hạng mục phụ trợ trường mầm non Đông Kết		4.500.000.000				1.500.000.000		1.500.000.000	
TT Khoái Châu (cũ)		**113.363.431.000**				**20.321.043.687**		**20.321.043.687**	
7728912 - xây dung truong MN xa Bình Kiều		9.507.820.000				1.124.102.632		1.124.102.632	
7731118 - Nhà văn hóa xã Bình Kiều		14.804.098.000				3.364.456.000		3.364.456.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
7744426 - xây lắp công trình nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường MN khu trung tâm xã Bình kiều		9.778.298.000				349.713.100		349.713.100	
7770321 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình kiều		3.937.038.000				979.207.000		979.207.000	
7986888 - Xây dựng nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Khoái Châu		12.800.000.000				3.526.966.000		3.526.966.000	
8030767 - nâng cấp cải tạo đài truyền thanh thị trấn Khoái Châu		960.262.000				40.823.000		40.823.000	
8048578 - Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu		14.000.000.000				631.049.883		631.049.883	
8054795 - Nhà văn hoá thôn An Cảnh xã Bình Kiều		5.000.000.000				457.870.618		457.870.618	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8085545 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Hòa, xã Bình Kiều (đoạn từ đường ĐT.383 đến ĐH.54)		20.000.000.000				729.475.000		729.475.000	
8087849 - Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Hòa		1.193.778.000				608.237.000		608.237.000	
8117363 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bình Kiều (đoạn 1 từ ruộng nhà ông Hiệp đến đường ngang đội 7 thôn An Cảnh, đoạn 2 từ ruộng nhà bà Luỹ ra đường sông Mười)		1.178.850.000				460.359.000		460.359.000	
8117364 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bình Kiều đoạn 1 từ ruộng ông Hưng Phúc - đầu xóm 3 đội 11 giáp nhà bà Thiệu, đoạn 2 từ đường máng đội 9 hướng ra nghĩa trang		1.172.753.000				412.735.454		412.735.454	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8117656 - Nhà văn hoá thôn Phú Hoà, xã Bình Kiều		5.000.000.000				3.783.797.000		3.783.797.000	
8132338 - Phá dỡ nhà lớp học 02 tầng, 08 phòng trường Tiểu học thị trấn Khoái Châu		350.000.000				335.855.000		335.855.000	
8145139 - Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ trường THCS Bình Kiều		1.304.201.000				1.173.355.000		1.173.355.000	
8145141 - Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Bình Kiều		12.376.333.000				2.343.042.000		2.343.042.000	
Liên Khê (cũ)		**35.083.448.000**				**4.162.428.000**		**4.162.428.000**	
8066175 - Cổng trường, tường bao, sân chơi, phòng bảo vệ - Trường mầm non xã Liên Khê		5.153.448.000				128.428.000		128.428.000	
8111096 - Nhà văn hoá xã Liên Khê		14.980.000.000				570.000.000		570.000.000	
8111097 - Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Liên Khê, huyện Khoái Châu		14.950.000.000				3.464.000.000		3.464.000.000	

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 107/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025.

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH	THU	CHI	CHÊNH LỆCH
TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0
-						

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**317.287.461.371**	**TỔNG SỐ CHI**	**317.287.461.371**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.597.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	268.203.461.371
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	273.219.461.371	II. Chi thường xuyên	46.834.000.000
III. Thu bổ sung	42.471.000.000	III. Dự phòng	2.250.000.000
- Bổ sung cân đối	42.471.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			
V. Thu từ nguồn đất			

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	**317.287.461.371**	**317.287.461.371**
I	**Các khoản thu 100%**	**1.597.000.000**	**1.597.000.000**
-	Phí, lệ phí	77.000.000	77.000.000
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.520.000.000	1.520.000.000
-	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0	0
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	0	0
-	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	0	0
-	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	0	0
-	Thu khác	0	0
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**273.219.461.371**	**273.219.461.371**
1	*Các khoản thu phân chia*	*1.540.000.000*	*1.540.000.000*
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	940.000.000	940.000.000
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	0	0
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	0	0
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	600.000.000	600.000.000
2	*Các khoản thu phân chu khác do cấp tỉnh quy định*	*271.679.461.371*	*271.679.461.371*
-	Thuế GTGT và TNDN	1.524.000.000	1.524.000.000
-	Thuế TNCN	1.512.000.000	1.512.000.000
-	Thu đấu giá QSD đất	268.203.461.371	268.203.461.371
-	Tiền thuê đất, mặt nước	440.000.000	440.000.000
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**	**0**	**0**
IV	**Thu chuyển nguồn**	**0**	**0**
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**0**	**0**
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**42.471.000.000**	**42.471.000.000**
-	Thu bổ sung cân đối	42.471.000.000	42.471.000.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu		

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX
A	B	1	2	3
	TỔNG CHI	**317.287.461.371**	**268.203.461.371**	**49.084.000.000**
1	**Chi dân quân tự vệ**	**1.469.220.138**		**1.469.220.138**
2	**Chi trật tự an toàn xã hội**	**861.978.400**		**861.978.400**
3	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**48.544.600**		**48.544.600**
4	**Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ**	**0**		**0**
5	**Y tế + Dân số**	**429.606.000**		**429.606.000**
6	**Văn hóa xã hội, thông tin**	**1.120.442.846**		**1.120.442.846**
7	**Chi đài truyền thanh**	**124.751.876**		**124.751.876**
8	**Chi sự nghiệp thể dục, thể thao**	**148.520.000**		**148.520.000**
9	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**130.000.000**		**130.000.000**
10	**Chi các hoạt động kinh tế**	**550.800.700**		**550.800.700**
-	Giao Thông	131.126.000		131.126.000
-	Trồng trọt, chăn nuôi	305.521.100		305.521.100
-	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	84.153.600		84.153.600
-	Thị chính	30.000.000		30.000.000
11	**Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể**	**34.276.602.643**		**34.276.602.643**
-	Văn phòng HĐND & UBND xã	14.077.936.453		14.077.936.453
-	Phòng kinh tế	2.568.660.000		2.568.660.000
-	Phòng văn hóa - xã hội	694.959.400		694.959.400
-	Trung tâm dịch vụ HCC	950.981.000		950.981.000
-	Đảng cộng sản Việt Nam	8.914.969.466		8.914.969.466
-	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.898.711.624		4.898.711.624
-	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	287.010.000		287.010.000
-	Hội Liên hiệp phụ nữ	215.950.000		215.950.000
-	Hội nông dân	249.880.000		249.880.000
-	Hội Cựu chiến binh	226.480.000		226.480.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	CHI TX
A	B	1	2	3
-	Hội Người cao tuổi	255.830.000		255.830.000
-	Hội Chữ thập đỏ	935.234.700		935.234.700
12	**Chi hỗ trợ khác**	**2.077.062.900**		**2.077.062.900**
-	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	1.884.927.900		1.884.927.900
-	Chi hoạt động chính sách người có với CM	192.135.000		192.135.000
13	**Chi hỗ trợ nghỉ việc theo NĐ 178 từ nguồn CCTL**	**5.596.469.897**		**5.596.469.897**
14	**Chi dự phòng**	**2.250.000.000**		**2.250.000.000**

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**829.746.800.000**	**0**	**0**		**268.203.461.371**	**0**	**268.203.461.371**	
Phùng Hưng (Cũ)		**567.213.229.000**				**194.639.994.648**		**194.639.994.648**	
7844551 - Xây dựng HT để tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng cầu khé tại KM 13+700 trên ĐT 384 và đấu giá QSD đất cho ND làm nhà ở		1.053.639.000				104.575.000		104.575.000	
Cấp kinh phí bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo, và các đối tượng chính sách xã hội khác năm 2025 theo QĐ số 65 ngày 20/02/2025 (vốn ủy thác NHCSXH)						50.000.000		50.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
7865367 - CTNC trường THCS Phùng Hưng; Hạng mục Nhà lớp học và các hạng mục phu trợ		14.205.590.000				3.643.381.000		3.643.381.000	
7918750 - CTNC đường nội đồng xã Phùng Hưng - Đoạn từ Tân Hà nên mương gốc Quất		1.071.665.000				600.777.000		600.777.000	
7994255 - Cải tao, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng		10.000.000.000				6.054.836.000		6.054.836.000	
8000554 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (đoạn từ cầu máng kênh đông thôn Kim Quan đến vùng 2 Bầu Bái)		1.194.769.000				121.419.973		121.419.973	
8008353 - Xây dựng tuyến đường bờ đông máng Kênh Đông xã Phùng Hưng		14.950.000.000				3.699.715.345		3.699.715.345	
8012585 - Nhà vệ sinh trường THCS Phùng Hưng		1.197.442.000				334.529.000		334.529.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8019233 - Nhà truyền thống trường THCS xã Phùng Hưng		2.000.000.000				827.715.363		827.715.363	
8026226 - Khu dân cư mới xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		98.000.000.000				55.492.101.037		55.492.101.037	
8031549 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng đoạn từ dốc trường tiểu học Phùng Hưng đến tiếp giáp xã Đại Hưng		7.500.000.000				714.110.000		714.110.000	
8031550 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (đoạn từ cổng làng Kim Quan đến Đình Ngọc Nha Thượng)		7.500.000.000				1.483.565.000		1.483.565.000	
8042008 - Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Phùng Hưng, đoạn từ Đồng mới (máng Kênh Đông) đến sông Đại Thần, thôn Ngọc Nha Thượng		3.200.000.000				1.540.000.000		1.540.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8045374 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Kim Quan xã Phùng Hưng (Đoạn từ đường 377 đi nghĩa trang nhân dân thôn Kim Quan)		1.050.270.000				1.005.650.000		1.005.650.000	
8052928 - Trường tiểu học xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		70.000.000.000				16.414.267.783		16.414.267.783	
8061180 - Đầu tư xây dựng cầu vào thôn Tiểu Quan xã Phùng Hưng		12.585.914.000				8.348.340.000		8.348.340.000	
8067491 - Đầu tư xây dựng cầu thôn Kim Quan xã Phùng Hưng		11.930.731.000				9.942.876.000		9.942.876.000	
8090277 - Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Phùng Hưng huyện Khoái Châu		11.500.000.000				6.261.523.447		6.261.523.447	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8100299 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ Ngõ Chùa đến Ngõ Thị đoạn từ đình làng Tiểu Quan đến Cầu Trầm)		8.500.000.000				3.656.053.509		3.656.053.509	
8100530 - Cải tạo, NC đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà cụ Lê Tiến Xương - nhà ông Mạnh; Tuyến đường Đỗi Nhội,từ nhà ông bà Kha Quế - ĐT.384; Đoạn giếng xóm 1- bờ máng kên Đông)		12.488.479.000				6.369.510.618		6.369.510.618	
8100531 - Cải tạo,NC đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ cổng chợ Tiểu Quan - nhà Thụ Đoá; Đoạn từ nhà ông Thuỵ - trường Mầm non xóm 4; Đoạn từ đình làng Tiểu Quan - bờ máng Kênh Đông xóm 4)		13.500.000.000				6.593.142.042		6.593.142.042	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8116541 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng cánh Đồng Năng, xã Phùng Hưng		1.230.000.000				493.663.564		493.663.564	
8127132 - Xây dựng đường giao thông nông thôn xã Phùng Hưng (đoạn từ cầu Trầm đến giáp cầu Kim Quan)		14.990.000.000				4.089.550.382		4.089.550.382	
8128213 - Nhà văn hoá xã Phùng Hưng và một số hạng mục phụ trợ		45.500.000.000				8.697.446.000		8.697.446.000	
8133348 - Đầu tư xây dựng cầu thôn Ngọc Nha Hạ xã Phùng Hưng		14.129.149.000				9.803.831.964		9.803.831.964	
8133349 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ngọc Nha Hạ, xã Phùng Hưng (Đoạn từ giáp địa phận xã Liên Khê đến nhà ông Thu, đoạn từ nhà ông Tí đến nhà ông Lịch)		14.900.000.000				7.390.006.000		7.390.006.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8139277 - Nhà đa năng trường THCS xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		14.980.000.000				4.619.219.346		4.619.219.346	
8139837 - Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (Tuyến đường máng hai thôn Ngọc Nha Hạ điểm đầu bờ máng kênh Đông điểm cuối Đống Mít)						600.000.000		600.000.000	
8139838 - Sửa chữa, bảo dưỡng đường giao thông nội đồng xã Phùng Hưng (Đoạn từ đường trục Nội Giàn đến Bầu Nam thôn Kim Quan)						500.000.000		500.000.000	
8144404 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà ông Mười Mấu đến nghĩa trang thôn Ngọc Nha Thượng)		7.500.000.000				2.250.871.564		2.250.871.564	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8144405 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà Thoan Khởi đến giáp nghĩa trang Phần Ba)		11.000.000.000				3.252.240.036		3.252.240.036	
8148768 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng (Đoạn từ nhà anh Phương Ảnh đi qua trường mầm non xóm Trại đi đường ĐT.384)		9.500.000.000				2.626.085.928		2.626.085.928	
8148998 - Cải tạo, nâng cấp đường, vỉa hè thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		14.800.000.000				4.498.692.836		4.498.692.836	
8149237 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Theo Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 21/04/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		7.000.000.000				2.027.158.039		2.027.158.039	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8149242 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng (Đoạn từ Ngã ba gốc bàng đến đỗi đá trong xóm 5)		9.500.000.000				2.842.917.672		2.842.917.672	
8154918 - Nâng cấp sân trường mầm non thôn Ngọc Nha Thượng, xã Phùng Hưng		926.918.000				535.076.000		535.076.000	
8154919 - Cải tạo, nâng cấp cổng, tường rào trường mầm non thôn Ngọc Nha Thượng xã Phùng Hưng		1.169.322.000				133.931.000		133.931.000	
8156825 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phùng Hưng (Theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		5.238.887.000				1.511.915.000		1.511.915.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8157545 - Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng nội đồng đường khu chăn nuôi xóm Trại thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		1.200.000.000				79.041.000		79.041.000	
8157546 - Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tuyến đường giao thông nội đồng từ nhà ông Hùng đến sông Từ Hồ - Sài Thị, thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		1.061.890.000				63.718.000		63.718.000	
8157766 - Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số cống, rãnh thuỷ lợi bị xuống cấp trên đại bàn xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu		499.995.000				499.995.000		499.995.000	
8158928 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm 3; xóm 4 - Thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng		19.849.138.000				594.054.000		594.054.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8158929 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT (Theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		19.000.000.000				500.061.600		500.061.600	
8158930 - Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông ngõ xóm Trầm, xóm Trại, xóm Xuôi, xã Phùng Hưng		18.409.431.000				566.986.255		566.986.255	
8158931 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Phùng Hưng (Theo Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND xã Phùng Hưng)		16.000.000.000				458.603.345		458.603.345	
8159718 - Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường thuộc Thị Tứ và xây dựng hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED - Năng lượng mặt trời xã Phùng Hưng		6.800.000.000				255.930.000		255.930.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8159719 - Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính và xây dựng hệ thống chiếu sáng, sử dụng đèn LED – Năng lượng mặt trời xã Phùng Hưng		8.600.000.000				2.490.912.000		2.490.912.000	
Đông Kết (cũ)		**114.086.692.000**				**49.079.995.036**		**49.079.995.036**	
8139438 - Nâng cấp tuyến giao thông nội đồng đoạn từ KT12 đi Tám mẫu xóm 2		550.000.000				550.000.000		550.000.000	
8066176 - Trụ sở làm việc của Ban chỉ huy quân sự xã Đông Kết và một số hạng mục phụ trợ		6.500.000.000				2.600.000.000		2.600.000.000	
8102442 - Đường giao thông và kênh tiêu thoát nước phí Đông khu KDC mới Thí Điểm: Đoạn từ đường ĐT383 đi đường Kênh Tây vào xóm 21		1.700.000.000				520.000.000		520.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8102551 - Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ đường WB2 đi trường THCS đi Kênh Tây)		7.000.000.000				4.500.000.000		4.500.000.000	
8102552 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ cầu sông 10 xóm 1 đi Kênh Tây; đoạn từ KT12 đi Quán Đỏ đi trục xã)		8.000.000.000				5.975.000.000		5.975.000.000	
8105665 - Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Đông Kết, huyện khoái Châu		13.500.000.000				1.704.995.036		1.704.995.036	
8107980 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Kết (Đoạn từ Đường WB2 đi 7 Mẫu Xóm 5 thông Trung Châu)		4.704.190.000				2.700.000.000		2.700.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8109497 - Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Đông Kết: Đoạn từ đường trục KT14 (Nghĩa Thương) Lạc Thủy 2 đi cừ Liên Khê		1.300.000.000				220.000.000		220.000.000	
8114394 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (Đoạn từ trục thôn Đông Kết xóm 14, 15 đến trục thôn Lạc Thủy và Kênh Tây thôn Lạc Thủy)		2.500.000.000				360.000.000		360.000.000	
8114868 - Nâng cấp đường và xây mới kênh tiêu thoát nước đoạn từ nhà Oanh Lượng thôn Trung Châu đi KT12		5.000.000.000				2.580.000.000		2.580.000.000	
8116436 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng đoạn từ Đền Đông Mỹ đến sứ đồng Hoàn Điền, thôn Hồng Thái, xã Đông Kết		1.500.000.000				750.000.000		750.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8123994 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn: Đoạn từ công ty Đỗ Kính đến Bãi rác của xã		1.036.034.000				600.000.000		600.000.000	
8125984 - Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn: đoạn từ cửa đình dưới giáp cừ Liên Khê đến đường 2 và từ ruộng Hậu đến cừ Liên Khê thôn Lạc Thủy, xã Đông Kết		1.700.000.000				300.000.000		300.000.000	
8125985 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết (đoạn từ ông Thường đến cống Đại Tập và Đoạn từ nhà ông Tâm đến Tân Bồi Dưới)		2.404.527.000				1.800.000.000		1.800.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8125986 - Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn: Đoạn từ trường THCS Đông Kết đến sứ đồng Xuôi Chùa thuộc thôn Trung Châu xã Đông Kết		1.371.941.000				400.000.000		400.000.000	
8130440 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đông Kết (đoạn từ ngã tư ông Lợi thôn Đông Kết đi xóm 5 thôn Trung Châu)		13.500.000.000				6.200.000.000		6.200.000.000	
8138627 - Xây dựng nhà 3 tầng 12 phòng học và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Đông Kết		25.000.000.000				7.500.000.000		7.500.000.000	
8144402 - Giao thông nông thôn đoạn từ Gốc đa trục thôn Đông Kết đến đường trục từ Kênh Tây đi xóm 20 thuộc thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu		1.200.000.000				1.200.000.000		1.200.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8156088 - Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng các trục đường liên thôn xã Đông Kết		6.300.000.000				2.300.000.000		2.300.000.000	
8156363 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Kết, đoạn đường quanh Hồ Quan thôn Lạc Thuỷ		300.000.000				300.000.000		300.000.000	
8156926 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Đông Kết bằng đèn năng lượng mặt trời		800.000.000				800.000.000		800.000.000	
8156927 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Bắc Châu bằng đèn năng lượng mặt trời		1.000.000.000				1.000.000.000		1.000.000.000	
8156928 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Hồng Thái bằng đèn năng lượng mặt trời		800.000.000				800.000.000		800.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8156929 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Lạc Thuỷ bằng đèn năng lượng mặt trời		1.000.000.000				1.000.000.000		1.000.000.000	
8156930 - Lắp đặt đèn chiếu sáng giao thông nông thôn trên địa bàn thôn Trung Châu bằng đèn năng lượng mặt trời		920.000.000				920.000.000		920.000.000	
8158474 - Cải tạo, nâng cấp sân, cổng tường rào và một số hạng mục phụ trợ trường mầm non Đông Kết		4.500.000.000				1.500.000.000		1.500.000.000	
TT Khoái Châu (cũ)		**113.363.431.000**				**20.321.043.687**		**20.321.043.687**	
7728912 - xây dung truong MN xa Bình Kiều		9.507.820.000				1.124.102.632		1.124.102.632	
7731118 - Nhà văn hóa xã Bình Kiều		14.804.098.000				3.364.456.000		3.364.456.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
7744426 - xây lắp công trình nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường MN khu trung tâm xã Bình kiều		9.778.298.000				349.713.100		349.713.100	
7770321 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Bình kiều		3.937.038.000				979.207.000		979.207.000	
7986888 - Xây dựng nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Khoái Châu		12.800.000.000				3.526.966.000		3.526.966.000	
8030767 - nâng cấp cải tạo đài truyền thanh thị trấn Khoái Châu		960.262.000				40.823.000		40.823.000	
8048578 - Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu		14.000.000.000				631.049.883		631.049.883	
8054795 - Nhà văn hoá thôn An Cảnh xã Bình Kiều		5.000.000.000				457.870.618		457.870.618	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8085545 - Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Hòa, xã Bình Kiều (đoạn từ đường ĐT.383 đến ĐH.54)		20.000.000.000				729.475.000		729.475.000	
8087849 - Tu bổ, tôn tạo di tích đình Phú Hòa		1.193.778.000				608.237.000		608.237.000	
8117363 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bình Kiều (đoạn 1 từ ruộng nhà ông Hiệp đến đường ngang đội 7 thôn An Cảnh, đoạn 2 từ ruộng nhà bà Luỹ ra đường sông Mười)		1.178.850.000				460.359.000		460.359.000	
8117364 - Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Bình Kiều đoạn 1 từ ruộng ông Hưng Phúc - đầu xóm 3 đội 11 giáp nhà bà Thiệu, đoạn 2 từ đường máng đội 9 hướng ra nghĩa trang		1.172.753.000				412.735.454		412.735.454	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2023	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lương năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8117656 - Nhà văn hoá thôn Phú Hoà, xã Bình Kiều		5.000.000.000				3.783.797.000		3.783.797.000	
8132338 - Phá dỡ nhà lớp học 02 tầng, 08 phòng trường Tiểu học thị trấn Khoái Châu		350.000.000				335.855.000		335.855.000	
8145139 - Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục phụ trợ trường THCS Bình Kiều		1.304.201.000				1.173.355.000		1.173.355.000	
8145141 - Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Bình Kiều		12.376.333.000				2.343.042.000		2.343.042.000	
Liên Khê (cũ)		**35.083.448.000**				**4.162.428.000**		**4.162.428.000**	
8066175 - Cổng trường, tường bao, sân chơi, phòng bảo vệ - Trường mầm non xã Liên Khê		5.153.448.000				128.428.000		128.428.000	
8111096 - Nhà văn hoá xã Liên Khê		14.980.000.000				570.000.000		570.000.000	
8111097 - Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Liên Khê, huyện Khoái Châu		14.950.000.000				3.464.000.000		3.464.000.000	

UBND XÃ KHOÁI CHÂU

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2024			KẾ HOẠCH NĂM 2025		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH	THU	CHI	CHÊNH LỆCH
TỔNG SỐ	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**